

Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa

Tập 549

Chủ giảng: Tịnh Không Pháp Sư

Chuyển ngữ: Minh Tuệ

Biên tập: Nguyễn Tâm

Thời gian: 19.08.2011

Địa điểm: Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội_HongKong

Chư vị Pháp sư, quý vị đồng học, mời ngồi.

Mời xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang 711, bắt đầu xem từ hàng thứ tư, đây là một đoạn khá dài, bắt đầu xem từ câu Thập Vãng Sinh Kinh nói.

“Thập Vãng Sinh Kinh nói: Phật dạy Bồ Tát Sơn Hải Tuệ: Bây giờ các con nên đứng lên, chấp tay, thỉnh người hướng Tây, chánh niệm quán nước Phật A Di Đà, mong thấy Phật A Di Đà. Lúc đó đại chúng cũng đều đứng lên, chấp tay, cùng quán Phật A Di Đà. Lúc đó Phật A Di Đà hiện thân thông lớn, phóng ra ánh sáng, chiếu đến thân Bồ Tát Sơn Hải Tuệ. Lúc đó Bồ Tát Sơn Hải Tuệ cùng tất cả đại chúng, liền thấy tất cả những chuyện trang nghiêm, diệu hảo của nước Phật A Di Đà. Đều là thất bảo, núi thất bảo, cõi nước thất bảo. Nước, chim, cây, rừng, thường nói pháp âm. Nước đó mỗi ngày đều chuyển xe pháp”.

Ở trước chúng ta đã học đến đoạn này, ở đây có một câu quan trọng nhất, chúng ta phải nhớ nó thật kỹ, đấy là: *“Mỗi ngày thường chuyển xe pháp”*, đây là câu quan trọng nhất, nhất định không được lướt qua. Câu này là những gì người xưa thường nói: *“Xây dựng đất nước, dạy học làm đâu”*, từ xưa đến nay vẫn thường như thế, nơi nào nên học vấn hưng thịnh, nhất định nơi đó nhân dân sẽ an vui, xã hội ổn định. Thực đúng như kinh nói, tất cả tai nạn không thể xảy ra nơi đó được.

Tại sao thế giới Cực lạc tốt đẹp như thế? Tại sao thù thắng như thế? Từ câu nói trên chúng ta có thể đi đến kết luận, mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày dạy học. Nhân dân toàn quốc, từ Bồ Tát đến trời người, không ngày nào không nghe kinh, không ngày nào không dạy học. Cảnh tượng dạy học ở thế giới Cực lạc, có thể nói, đứng đầu trong tất cả cõi nước chư Phật.

Chúng ta thử quay đầu nhìn lại, khi Phật Thích Ca Mâu Ni đang tại thế, bốn mươi chín năm giảng kinh dạy học, chưa một ngày gián đoạn. Đáng tiếc, những gì ngài thị hiện là sống cuộc đời rày đây mai đó, không ở lại lâu một nơi nào. Nếu lưu trú lâu ở một nơi nào, suốt đời một nơi, hiệu quả sẽ khác nhau, nơi đó sẽ trở thành thánh địa Phật giáo, tôi nghĩ tầm ảnh hưởng của nó sẽ rộng hơn.

Thời đó tại sao Phật không làm như thế mà phải sống cuộc đời rày đây mai đó? Ý nghĩa trong đó cực kì thâm sâu, mỗi cái đều có hơn thiệt. Dạy học một nơi, nơi đó trở thành thánh địa, sau khi thành thánh địa, nhân dân nơi đó, sẽ rất dễ cống cao ngã mạn: Ta là nhất, các anh làm sao sánh với tôi, như thế sẽ không sinh trí tuệ, sinh phiền não. Lại còn một số người có tâm xấu, điều này chắc chắn sẽ có, đến xuất gia, đến tu tập, mục đích là gì? Mục đích để vinh hoa phú quý, hoàn toàn vì danh lợi, như thế là hồng, như thế Phật pháp sẽ biến chất.

Bởi thế, suốt đời ngài chọn cuộc sống rày đây mai đó, nói cho quý vị biết, ngài thực sự buông bỏ. Nếu Thích Ca xây dựng đạo tràng, đây không phải là chuyện rất dễ ư? Gia tộc là quốc vương, kinh Phật đã ghi, đương thời có mười sáu đại quốc vương, đều qui y Phật, làm đệ tử tại gia của Phật, hộ trì Phật pháp. Nếu muốn dựng đạo tràng, thực sự không tốn một cọng lông, chỉ cần ngài gặt đầu là ổn. Những quốc vương, đại thần lúc đó, mang hiến cúng vườn tược, biệt thự của họ, thỉnh Phật đến giảng kinh dạy học, Phật cũng tiếp nhận, không có chấp.

Lời nói, việc làm của Phật vô cùng rộng rãi, giống như vườn ông Cấp Cô Độc, tinh xá Trúc Lâm, tất cả đều là những vườn hoa rộng lớn. Phật đã ở đó giảng mấy bộ kinh, khi xong công việc, ngài lại di chuyển đến nơi khác. Ngài không lưu luyến nơi mình đã từng ở, để lại cho người đời sau một gợi ý cực kì tuyệt vời.

Bởi thế Phật dạy chúng ta, với những thứ của cải có quyền sử dụng, nhưng không nên có quyền sở hữu. Tôi không cần dùng nữa, vật đưa về chủ cũ, như thế mới hay, không một ai trong tăng đoàn muốn tranh đoạt tài sản. Không nổi lên ý niệm đó, bởi vì họ không có, không có gì cả. Nếu như có, tất nhiên sẽ có người nổi lên ý niệm đó, họ muốn chiếm hữu, là tập khí phiền não chúng sinh từ vô thủy kiếp đến nay.

Khi Phật Đà tại thế, trong số đệ tử vẫn có tranh giành, sau khi Phật diệt độ thì càng không phải nói. Bởi thế Phật không giữ bất kỳ một thứ gì cả, ngay kinh điển cũng không giữ, đến đi đều là không, kinh điển từ đâu mà có? Sau khi Phật diệt độ, học sinh của Phật, tôn giả Ca Diếp, ông ấy phát khởi, chúng ta nên đưa những lời giáo huấn của Thế Tôn dạy cho chúng ta, nên ghi chép chúng lại, viết thành sách để lưu truyền hậu thế.

Tìm một người giảng lại, tôn giả A Nan, trí nhớ siêu đẳng. A Nan thực sự là người có trí nhớ cực nhạy, nghe qua một lần là không bao giờ quên, ngài có khả năng đó. Khi kết tập Kinh tạng sẽ thỉnh A Nan đăng toà giảng lại, năm trăm A La Hán nghe A Nan giảng kinh. Nghe giảng lại, làm chứng minh cho kinh giáo, mỗi người đều gặt đầu, tuyệt vời, Phật đã nói như thế, bèn ghi lại. Một người đề xuất ý kiến, hình như chỗ này có hoài nghi, bỏ câu đó ngay. Dùng phương thức nghiêm ngặt như thế để lấy niềm tin người đời sau.

Bởi thế những vị đệ tử chủ động kết tập. Phật biết được, không phải không biết, biết được có chuyện như thế. Khi kết tập kinh tạng, A Nan đã thỉnh giáo Thế Tôn, những chữ khởi đầu sẽ ghi thế nào? Từ đó Phật đã dạy ngài, mở đầu viết: “*Tôi nghe như vậy*”, Phật ở nơi nào đó, nghĩa là sáu thứ thành tựu, việc này Phật biết, chứng tín. Bởi thế kinh Phật khác những tôn giáo khác, không phải truyền lại từ thiên thần, không phải, là lời Phật nói lúc bấy giờ, đệ tử ghi lại, giống như cách dạy học của Khổng Tử.

Lúc bấy giờ Khổng Tử dạy học cũng không có sách vở, chưa chép thành văn tự, ông chỉ chỉnh lí những lời dạy của cô nhân. Bản thân ông không có sáng tác. Cũng sau khi Khổng Tử qua đời, những môn đệ của ông chỉnh lí những lời đã nhớ trong kí ức, ghi lại những lời đã nói thường ngày, và lưu truyền cho đời sau. Nổi tiếng nhất là Luận Ngữ, là bút kí của học trò Khổng Tử. Bởi thế dạy học rất quan trọng, người không học, không hiểu gì, không biết gì về đạo lí.

Tam Tụ Kinh nói: “*Không được dạy, tánh sẽ thay*”, câu này quả đúng, không phải đùa. Nếu không được dạy dỗ, từ từ con người sẽ không được học hành, họ bị hoàn cảnh bên ngoài vấy bẩn. Chưa đoạn được tập khí phiền não, chắc chắn tập khí phiền não sẽ tăng lên, dần dà trí tuệ sẽ mất đi, ngày nay chúng ta đã chứng kiến tình trạng này.

Rất nhiều trường ốc, các môn học đều là khoa học kĩ thuật. Tôi đã nghe rất nhiều, khi những giáo sư này đề cập chuyện, hiện tại những môn các trường dạy là để làm việc chứ không dạy làm người, biết làm việc, không biết làm người. Bởi thế, rất nhiều các xí nghiệp, muốn tìm những thợ thủ nhưng không thể tìm được, làm sao lại không tìm được? Họ muốn những người đó vừa làm được việc lại vừa biết xử sự, loại như thế không thể tìm được.

Ông Đạo Thạnh Hoà Phu người Nhật rất khôn khéo, ông tự bồi dưỡng cán bộ, bồi dưỡng học sinh, vấn đề này rất đúng, nó trở thành cái người ngày xưa gọi là gia học. Nhà của chúng ta cần những người thế nào? Công ty họ cần những người thế nào, tự bồi dưỡng lấy, ông đã làm rất thành công. Bởi thế giáo dục là quan trọng nhất.

Chúng ta chứng kiến: “*Nước kia mỗi ngày thường chuyển xe pháp*”, chúng ta đã ưa muốn đến nơi đó, pháp có thể nói hết được chăng? Nói không hết. Pháp được lưu xuất từ tự tánh, tự tánh là cứu cánh viên mãn. Trong tự tánh đã hàm chứa trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tướng hảo vô lượng. Thực sự không thể lấy hết, dùng mãi không cạn, vì thế Phật giảng mỗi ngày mà vẫn không hết. Tuổi thọ cư dân thế giới Cực lạc rất dài, những gì ta nghe bên đó thực sự là diệu pháp. Tánh tướng, lí sự, nhân quả của cõi hư không khắp pháp giới, chỉ ở đó mới học được rốt ráo, tốt nghiệp là thành Phật, gọi là Diệu Giác Như Lai.

“Phần trên”, đoạn kinh văn này: “*Đều cho thấy nhân dân Ấn Độ lúc bấy giờ, hoặc khoảng hàng trăm*”, vài trăm thỉnh chúng. “*Hoặc khoảng hàng vạn*”, hội này độ một vạn hai nghìn người, “*Tận mắt thấy y chánh trang nghiêm thế giới Cực lạc*”, những người tham gia lần pháp hội này đều thấy được thế giới Cực lạc, thấy được Phật A Di Đà.

“*Phương Tây có thế giới, có Phật A Di Đà, hai chữ có ở đây, nên để mắt chú ý*”, hai chữ “*có*” ở đây cho chúng ta biết, bạn phải tin, thực có, không phải mơ hồ.

Khi tuổi về già, đại sư Ngẫu Ích tự lấy biệt hiệu, gọi là Tây Hữu Đạo Nhân, phương Tây, phương Tây có, gọi là Tây Hữu Đạo Nhân, ý cho người biết, thế giới Cực lạc là có thực! Trong Kinh Di Đà cũng có hai chữ có: “*Có thế giới danh vi Cực lạc, có Phật hiệu A Di Đà*”, hai câu có chữ có.

Xem tiếp đoạn cuối: “*Nói chung, phẩm này đủ tứ tất đàn*”, đến đây mới nói rõ Tứ tất đàn. Nếu phiên thành tiếng Trung Quốc, Tứ tất đàn là tứ biến thí, biến là phổ biến, thí là bố thí, bốn loại bố thí phổ biến. Cũng có thể gọi là cúng dường, dùng tâm cung kính là cúng dường, bốn loại này là chư Phật Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh. Chúng ta biết tứ tất đàn mới có thể biết được ân đức Phật Bồ Tát đã ban cho chúng ta.

“*Thứ nhất, y chánh Cực Lạc có mặt là thế giới tất đàn*”, một trong tứ tất đàn, thế giới, thế giới có nghĩa là gì? Hoan hỉ, đây chính là những gì trong kinh Đại thừa thường nói, nơi Bồ Tát có mặt khiến chúng sinh khởi tâm hoan hỉ. Bồ Tát vô ngã, không có phân biệt, không có chấp trước, đối xử hoàn toàn bình đẳng với tất cả chúng sinh. Bồ Tát đều đã chứng tự tánh, tự tánh là nhất thể, tất cả pháp đều hiện ra từ tự tánh. Quan hệ giữa tự tánh với ta là nhất thể, không phải một nhà, một nhà không phải nhất thể, sâu sắc hơn cả quan hệ gia đình.

Nhất thể như mắt tai mũi lưỡi thân, lục phủ ngũ tạng là nhất thể, chúng ta thường nói là tâm can bảo bối, nhất thể là tâm can bảo bối, không phải bên ngoài, nhất thể! Bởi thế, Phật Bồ Tát thực sự xem tất cả chúng sinh, tất cả vạn vật là nhất thể, chúng ta ngược lại, chúng ta không biết.

Chúng ta thường lấy giấc mơ làm thí dụ để quý vị có thể hiểu nhất thể. Trong mơ, tất cả những cảnh tượng trong mơ đều do sự biến hiện của ý thức, chắc chắn không có những thứ ngoài ý thức nhảy vào trong giấc mơ của ta, không thể được. Tất cả đều là tự tánh hiện ra, biến ra, tâm hiện thức biến.

Trong kinh Phật dùng thí dụ, lấy giấc mộng làm thí dụ rất nhiều. Thí dụ này khá giống, có thể hiểu được nhất thể, cảnh trong mộng là nhất thể. Ngay núi sông đại địa, hư không trong mộng cũng là nhất thể. Xét về lí, ngoài tâm tánh ra, không cầm nắm một pháp nào, khi đã hiểu được nhất thể rồi mới biết pháp pháp giai như, pháp pháp

đều như vậy. Đây chính là những gì Thiên tông nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, không còn có phân biệt, không còn có chấp trước, đó là hoan hỉ “*sinh tâm mong cầu*”.

Bây giờ chúng ta đã thấy y chánh trang nghiêm thế giới Cực lạc, đều hiện ra trước mắt. Cắt đứt tất cả những nghi tình, tất nhiên sinh tâm hoan hỉ, sinh tâm chân tín, thực sự phát nguyện vãng sinh.

“*Thứ hai: “Đại chúng A Nan, hoan hỉ làm lễ, xưng niệm Thánh hiệu, đầy vị nhân tất đàn*”, vị nhân có ý nghĩa gì? Sinh thiện, vị nhân là sinh thiện: “*nên khiến sinh thiện*”. Tôn Giả A Nan dẫn đầu, Di Đà đại từ đại bi, đưa cảnh đó bày ra để mọi người thấy được, A nan ngó người, nắm vóc sát đất.

Thân lễ bái là thân cung kính, xưng niệm Phật hiệu là miệng cung kính, ý cung kính, ba nghiệp kiến thành cung kính, đây là thiện. Thiện ở đây là người xưa thường nói, tu phúc. Sinh đến thế giới Cực lạc, hạ hạ phẩm vãng sinh Phạm thánh đồng cư độ, cũng đầy đủ minh tâm kiến tánh.

Trí tuệ, thần thông, đạo lực của những Đại sĩ Pháp thân đã kiến tánh thành Phật. Nhờ sự gia trì của Phật A Di Đà, tất cả đều thành Bồ Tát Bất thoái chuyển. Họ có khả năng, tùy lúc tùy ý, biến hiện vô lượng vô biên thân phận, hoá thân, đến lạy Phật ở mười phương thế giới. Lạy Phật ở mười phương thế giới là tu phước, cúng dường, lạy Phật, cúng dường tu phước. Nghe Phật giảng kinh thuyết pháp để khai trí tuệ. Nơi đó, mỗi ngày đều tu phước và tuệ không ngơi nghỉ, bởi thế họ nhanh chóng thành Phật, là có lí. Chư Phật ở những thế giới khác, chỉ có Bồ Tát Thật báo trang nghiêm độ mới có khả năng đó, có nhân duyên đó, giống như thế giới Cực lạc.

Bồ Tát ở thập pháp giới không được, không có khả năng đó. Bồ Tát ở pháp giới tứ thánh không ra khỏi phạm vi thế giới Tam thiên đại thiên. Chúng sinh trong lục đạo, không ra khỏi phạm vi lục đạo, phạm vi hoạt động của họ có giới hạn. Thế giới Cực lạc lớn đến độ không có gì nằm ngoài, nhỏ đến độ không có gì bên trong, không hạn chế. Bởi thế, đây chính là cứu cánh viên mãn của sinh thiện.

“*Trì danh vãng sinh là thiện trong những điều thiện*”, tất cả pháp của thế xuất thế gian, không thứ nào vượt qua được thiện này. Trì danh có thể được vãng sinh, vãng sinh đến thế giới Cực lạc là thành Phật.

“*Thứ ba, phá nghi sinh tín, là đối trị tất đàn*”. Hai chữ đối trị rất dễ giải thích. Trị bệnh, mang bệnh, bạn trị lành bệnh, bệnh gì? Nghi hoặc, nghi hoặc là chướng ngại lớn nhất trong việc tu hành Bồ Tát. Với thế giới Cực lạc, chúng ta có hoài nghi chăng? Có, rốt cuộc là giả hay thật? Nhất là sống trong thời đại ngày nay, đây là thời đại phát triển khoa học, điều kiện đầu tiên của khoa học là hoài nghi. Quý vị có thể hoài nghi

với tất cả hiện tượng vật lí, hoài nghi đến tận cùng, đến lúc nào có phát hiện mới thì thôi. Nhưng đối với thánh giáo là hồng, nếu hoài nghi thánh giáo, quý vị không bao giờ kiến tánh.

Chúng ta vẫn dùng thuật ngữ hiện đại, vật lí có thể hoài nghi, có thể phát hiện mới. Tâm lí không được hoài nghi, hoài nghi tâm lí là mất mạng. Quý vị mắc bệnh, nếu nghĩ bệnh này không thể chữa khỏi, chắc chắn chữa không khỏi. Dù chữa trị bao nhiêu, thuốc thang bao nhiêu, không có tác dụng gì, đây là gì? Đó là tâm lí. Nếu mắc bệnh, bệnh chóng khỏi, đây là gì? Không nghi ngờ, không nghi ngờ bản thân, bệnh sẽ rất chóng khỏi. Do có niềm tin, không hoài nghi với cách chữa trị, không hoài nghi thầy thuốc, rất chóng khỏi.

Trên thực tế, bác sĩ trị bệnh, hiệu quả cứu sống độ ba phần, lòng tin đến bảy phần. Nếu ta đặt tất cả niềm tin, không cần thuốc thang, tự khỏi.

Ngày trước tôi đã nghe bài báo trong CD Sơn Tây Tiểu Viện. Hơn bốn mươi người mắc chứng ung thư, bệnh viện tuyên bố không còn cách chữa, cho mọi người biết họ chỉ sống hơn ba tháng nữa. Những người này sống rất thoải mái, bây giờ vẫn còn, nguyên nhân do đâu? Trị bằng cách nào? Bằng lòng tin. Khi nghe được tuyên bố đó, nhất tâm niệm Phật, nhất tâm không hai niệm, cầu sinh Tịnh độ. Không vãng sinh Tịnh độ, nhưng bệnh lành, tái khám không thấy gì nữa, đây là gì? Tin tưởng 100% sẽ chữa khỏi bệnh, tự khỏi. Chứng phát ban đỏ của Lưu Tổ Vân, cũng được chữa như thế, không cần thuốc thang.

Bởi thế câu cuối cùng nói rất nặng, chính xác: *“Chưa đoạn nguông gốc của nghi, tức là tội căn, khi tín lực đủ rồi, nên toàn nhờ Phật lực”*, mấy câu này nói rất hay. Con người nhờ đâu để thành Phật? Nhờ niềm tin để thành Phật. Tin tưởng vào hai câu nói: *“Vốn là Phật”*. Tịnh tông có nói: *“Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật”*, vậy còn vấn đề gì nữa? Thị tâm, quý vị vốn là Phật. Hiện tại quý vị niệm Phật là muốn thành Phật, vốn là Phật, bây giờ lại niệm Phật, làm gì có chuyện không thành Phật! Điều thứ ba trong Tịnh nghiệp tam phước đã nói: *“Thâm tín nhân quả”*.

Mấy năm gần đây, khi nói đến điều này tôi đã nói với mọi người, thâm tín nhân quả là gì vậy? Tin tưởng, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả. Tin Phật là gì? Tin thị tâm thị Phật. Bởi thế niệm Phật được gọi là thị tâm tác Phật. Không hoài nghi điểm này, ta sẽ thành Phật, hoài nghi, lập tức bị đọa lạc. Bởi thế khi *“tín lực đầy đủ, trở thành Phật lực”*, đó là gì? Phật lực gia trì bạn, tự Phật, tâm Phật.

“Thứ tư, Tâm và Phật không hai, diệu cảm khó nghĩ, sự lí không hai, diệu cảnh bày ra, đây là đệ nhất nghĩa tất đàn”. Đệ nhất nghĩa là cứu cánh viên mãn, bởi thế chúng ta nên tin tưởng tâm và Phật là một, không phải hai. Tâm là tâm của ta, Phật là Phật hiện ra trong tâm ta. Phật A Di Đà là tự tánh hiện ra, do tâm hiện ra. Phật Thích

Ca Mâu Ni cũng từ tâm hiện ra. Phật Tì Lô Giá Na cũng từ tâm hiện ra. Tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời, không rời tự tánh, Phật ở đâu? Phật ở trong tự tánh. Bồ Tát ở đâu? Bồ Tát cũng ở trong tự tánh.

Chư Phật Như Lai là tánh đức của ta; chư Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, là tu đức của ta. Tánh và tu không hai, chúng sinh và Phật là một, chúng sinh với Phật là một, không hai. Đấy gọi là thực sự đại viên mãn. Bởi thế diệu cảm khó nghĩ, tâm chúng sinh có cảm, Phật lập tức có ứng, cảm ứng đạo giao bất khả tư nghị. Lí sự không hai, diệu cảnh có mặt.

Cảnh giới là sự, diệu là lí, Lí là gì? Lí là tâm tánh, tâm tánh năng hiện năng sanh. Khi mê gọi là A lại da, A lại da năng biến, nó biến ra những gì? Biến pháp giới Nhất chân Thật báo trang nghiêm độ thành thập pháp giới, đấy là duy thức, duy thức sở biến. Không có thức thì không có thập pháp giới, chỉ có Thật báo trang nghiêm độ, không có những thứ khác, trong các cõi nước chư Phật có cõi Phật này.

Chúng ta đọc trong Hoa Tạng Thế Giới Phẩm, trong Thế Giới Thành Tựu Phẩm, thế giới Cực lạc của chư Phật và Bồ Tát, toàn là Thật báo độ, không có Đồng cư độ, cũng không có Phương tiện độ, đấy là đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế “*viên chương tánh cụ*”, chương là làm nổi bật, hiển thị cho chúng ta, là vốn có trong tự tánh. “*Vì khiến nhập vào thật tướng*”, thật tướng là chân tướng của tất cả pháp.

“*Như Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận nói*”, Khởi Tín Luận là tác phẩm của cư sĩ Bành Tế Thanh. Vị cư sĩ này không phải là người thường, thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Dưới hình dáng của một người tại gia, suốt đời hoằng pháp lợi sinh, dùng thân cư sĩ hoằng pháp lợi sinh rồi vãng sinh Tịnh độ. Ông nói: “*Bên phải nói rõ ánh sáng vô lượng chiếu soi tất cả, Cực lạc Ta bà cùng một pháp giới, vốn không phân biệt, sao có Đông Tây*”. Cả đoạn dài phần sau đến tổng kết, đều là nội dung trong Vô Lượng Thọ Khởi Tín Luận.

Nếu nói đây là người bình thường thì không thể nói được, trong cảnh giới đó, không gian không còn nữa, làm gì có phương Đông, phương Tây, thời gian cũng không còn.

Việc này bây giờ đã được các nhà khoa học khẳng định, thời gian, không gian không phải thật. Nhưng Phật nói thời gian, không gian không phải thật, quý vị xem, là từ ba nghìn năm trước. Thời gian, không gian là những gì? Bộ tiểu luận nhập môn của Tướng tông, Bách Pháp Minh Môn Luận, đây là cuốn cần đọc khi nhập môn Pháp tướng tông. Cuốn sách cho chúng ta biết, thời gian, không gian được đặt vào bất tương ưng hành pháp.

Bách Pháp Minh Môn Luận là tác phẩm của Bồ Tát Thiên Thân, căn cứ trên Du Già Sư Địa Luận của Bồ Tát Di Lặc, đại luận của Tướng tông. Bồ Tát Di Lặc là chuyên gia về Pháp tướng duy thức. Pháp tướng duy thức là cuốn tâm lí học trong nhà Phật, bây giờ phân khoa, nó là tâm lí học.

Bồ Tát Di Lặc tạo đại luận này, Du Già Sư Địa Luận, đã đem tất cả pháp qui nạp thành 660 pháp, phân loại như thế. Tất cả pháp vô lượng vô biên, đây là điều khó diễn giảng, qui nạp thành 660 pháp. Bồ Tát Thiên Thân thấy 660 pháp sẽ gây khó cho người mới học, vẫn còn rườm rà, bởi thế qui nạp lần nữa, qui nạp thành 100 điều, trở thành trăm pháp.

Trăm pháp này lại được chia ra năm loại lớn. Thứ nhất là tâm pháp, tám cái, tức tám thức: A lại da, mặt na, ý thức, sau đó là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tám thức này là tâm pháp. Tâm sở hữu pháp, tâm sở hữu pháp là tác dụng tâm lí, nghĩa là tác dụng của tám thức, tổng cộng có 51 pháp, 51 tâm sở hữu pháp. Trong 51 này chỉ có khả năng của thức thứ sáu là lớn nhất, nó có trong tất cả 51 thứ đó. Giống a lại da, a lại da và tâm sở tương ưng, chỉ có năm, năm biến hành. Những thứ khác không tương ưng với a lại da, bởi thế công năng của thức thứ sáu là lớn nhất. 51 tâm sở tương ưng, đây là tâm sở pháp, tác dụng của tâm lí thứ hai.

Thứ ba là sắc pháp, sắc pháp là vật chất, tổng cộng có 11. Đó là năm căn, sáu trần, mắt tai mũi lưỡi thân ý căn. Ý căn là mặt na, nó là tâm, nó không phải sắc pháp. Sáu trần, sắc thanh hương vị xúc pháp. Năm căn, sáu trần là sắc pháp, nghĩa là hiện tượng vật chất.

Thứ cuối cùng là tâm bất tương ưng hành pháp. Bất tương ưng hành pháp có hai mươi bốn, nói theo ngôn ngữ ngày nay, khái niệm trừu tượng, căn bản không có những thứ này, tổng cộng có hai mươi bốn pháp. Không gian, thời gian được xếp vào một loại, bởi thế nó là khái niệm trừu tượng, cơ bản không có, bạn muốn tìm cũng không thể tìm thấy.

Quý vị xem, đối với thời gian và không gian, ba nghìn năm trước, nói theo ngôn ngữ ngày nay, nó được sản sinh từ khái niệm trừu tượng, nó không phải thật. Nó không phải tâm pháp, không phải tâm sở hữu pháp, cũng không phải sắc pháp. Nhưng nó từ trong ba thứ pháp này, trừu tượng biến hiện mà có những thứ đó, bây giờ các nhà khoa học đã khẳng định.

Bởi thế, nói thật với các vị là gì? Thật sự là ngay giây phút này, không có trước sau, trước sau là thời gian. Không có nơi này chỗ khác, nơi này chỗ khác là không gian. Giáo lí Đại thừa gọi là sống ở giây phút này, nghĩa là ở giây phút đó, lời này nói thật gần gũi! Nếu chúng ta chưa đọc những lời đối thoại giữa Thế Tôn và Bồ Tát Di Lặc, chúng ta sẽ không hiểu những lời này, thế nào là ngay giây phút này? Chúng ta

rất mơ hồ với khái niệm giây phút này, đọc được những lời đối thoại giữa Thế Tôn với Bồ Tát Di Lặc, chúng ta mới hiểu, mới bừng sáng đại ngộ.

Giây phút này, chúng ta thử tính sơ sơ về giây phút này, một giây năm lần búng móng tay, giây phút này là gì? một nghìn sáu trăm triệu trên một giây, đó là giây phút này, gọi là nhất niệm, có thể nắm được nhất niệm đó chăng? Không thể nắm bắt, không giữ được. Chúng ta dấy lên ý niệm, không biết bao nhiêu niệm? Phật Thích Ca Mâu Ni hỏi, hỏi rất hay, ngài hỏi Bồ Tát Di Lặc, cũng là hỏi những người phạm phu chúng ta: “*Tâm có bao nhiêu niệm*”.

Chúng ta dấy lên tâm niệm, tâm có niệm, Phật hỏi trong nhất niệm có bao nhiêu niệm, bao nhiêu tướng, bao nhiêu thức? Bồ tát Di Lặc thưa: Một búng móng tay có ba mươi hai ức trăm nghìn niệm, trăm nghìn là đơn vị, một trăm nghìn là mười vạn, ba mươi hai ức nhân mười vạn, là ba trăm hai mươi triệu, một búng tay ba trăm hai mươi triệu niệm.

Bởi thế Phật nói cho chúng ta chân tướng sự thực, chân tướng sự thực là gì? “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*”, trong tất cả pháp này bao gồm cả Phật pháp, bao gồm thế giới Cực lạc, bao gồm thế giới Hoa Tạng, bao gồm tất cả chư Phật Như Lai trong mười phương ba đời, tất cả chúng sinh, y chánh trang nghiêm đều bất khả đắc, nó được sinh ra thế nào? Từ nhất niệm sinh ra, nhất niệm phát sinh, liên tục mỗi niệm.

Bởi thế phần trước chúng ta đã học, liên tục ở đây là tương tự tương tục, kinh nói rất hay, tại sao vậy? Mỗi niệm của nó không giống nhau, ngày nay chúng ta rất dễ hiểu vấn đề này. Mỗi giây, thay đổi cả vũ trụ này giống nhau chăng? Khác nhau, thế nên, nói thật, chúng ta thấy thân thể này đang tồn tại, giây trước không phải giây sau, giây trước và giây sau đã thay đổi, không phải giống nhau. Hình dáng đang thay đổi, thể chất đang thay đổi, tại sao? Ý niệm khác nhau, ý niệm đang thay đổi. Khi không còn ý niệm nữa, không khởi tâm, không động niệm, không còn thay đổi. Tướng ở đây, có thể nói là tướng liên tục, không phải tướng tương tự tương tục. Trong Thập pháp giới là tướng tương tự tương tục, pháp giới nhất chân là tướng liên tục, mỗi tướng đó đều giống nhau.

Bởi thế người ba đại tăng kì kiếp không già, mãi mãi không già. Cây cỏ hoa lá, nghìn năm, vạn năm năm không bao giờ khô héo, hay có dấu hiệu khô héo, đây là pháp giới nhất chân. Thế giới Cực lạc là pháp giới nhất chân. Những cảnh tượng ở thập pháp giới sẽ thay đổi, pháp giới nhất chân không thay đổi, bởi vì họ đã chuyển thức thành trí, chuyển bát thức thành tứ trí.

Bởi thế ánh sáng vô lượng chiếu soi tất cả, ở đây là ánh sáng tự tánh Phật, khiến bạn thấy được chân tướng tất cả pháp. Dưới ánh sáng này, Cực lạc, Ta bà cùng một

pháp giới, không có chút phân biệt nào, nhất niệm đó đồng thời biến hiện, Cực lạc và Ta bà là nhất niệm đồng thời biến hiện. Nhất niệm là một cái búng tay, một phần ba trăm hai mươi triệu.

Thời gian ngắn như thế, chia một cái búng tay thành ba trăm hai mươi triệu, nhất niệm đó là một phần của ba trăm hai mươi triệu, cùng một pháp giới, vốn không phân biệt. Phân biệt là do ta nhìn sai, mê lầm, nên có phương Đông hay phương Tây gì đó, mới có khoảng cách mười vạn ức cõi nước Phật.

Phần tiếp theo nói: “*Núi sông quả đất, đều do vẫy trong mắt chúng sinh tạo thành*”. Câu này được Phật nói trong Kinh Lăng Nghiêm, có nghĩa thế nào? Vốn không có, toàn nhìn nhầm, vẫy trong mắt là gì? Chúng phá hồng mắt, khi mắt hồng, thấy không trung mờ mịt, giống như không trung có, do mắt, do mắt hồng.

Khi bật đèn ở chỗ chúng ta, hoặc đốt ngọn nến, một vòng sáng tròn trên ánh nến, mắt thật tinh cũng không thấy, người có bệnh về mắt khi thấy, thấy ánh sáng đó. Điều này cho thấy, vẫy mắt là những chúng sinh mê hoặc, mê mắt tự tánh, bạn sẽ thấy thứ như thế. Nếu thực sự giác ngộ, tất cả đều giả, căn bản không có.

Người giác ngộ nhìn thấy hiện tượng dao động, đấy gọi là thật tướng các pháp. Trong mỗi dao động, Bồ Tát Di Lặc nói: “*niệm niệm hình thành*”, hình là hiện tượng vật chất. Trong mỗi hiện tượng dao động đều có hiện tượng vật chất. “*Hình đều có thức*”, thức là gì? Thọ tướng hành thức. Trong mỗi hiện tượng vật chất đều có hiện tượng tinh thần. Bởi thế, hiện tượng tinh thần và hiện tượng vật chất không bao giờ tách rời nhau.

Ngày nay gọi duy tâm, duy vật đều sai, tâm với vật là một không phải hai. Ta không thể thừa nhận một nửa, nó còn một nửa khác, không bao giờ tách rời. Hiện tượng vật chất nhỏ đến thế nào, đều là ngũ uẩn như trong kinh Phật nói, là sắc thọ tướng hành thức. Sắc là vật chất, thọ tướng hành thức là hiện tượng tinh thần.

Phần trước chúng ta đã học chấm nhỏ như sợi lông hạt bụi, nói rằng một cọng lông, một cọng lông măng, một hạt bụi, chấm nhỏ như bụi, lông, ngày nay chúng ta gọi là lượng tử, tiểu quang tử. Mắt thường chúng ta không nhìn thấy, nhưng dưới kính hiển vi cao độ sẽ thấy được. Nó đầy đủ sắc thọ tướng hành thức như trong kinh Phật nói.

Bởi thế, thí nghiệm nước của tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã chứng minh, nước là vật chất, nước biết nhìn, biết nghe, hiểu được ý người. Nghĩa là nước có sắc thọ tướng hành thức, nó có cảm nhận. Ta khen, nó vui, ta mắng, nó ghét, nó có cảm xúc, biết trả lời bạn. Ta thương yêu, nó yêu ta lại; ta ghét, nó ghét trở lại. Bởi thế tất cả vật chất, hiện tượng vật chất, đều có sắc thọ tướng hành thức, khởi tâm động niệm của chúng ta

liệu giấu được ai? Có thể giấu người, tất cả hiện tượng vật chất, không thể giấu nó được, chúng nó sẽ biết, thứ gì biết? Cõi hư không khắp pháp giới biết.

Hoàn Nguyên Quán nói về ba thứ chu biến, thứ nhất: “*Chu biến pháp giới*”, vừa khởi ý niệm, cả pháp giới đều biết. Bởi thế cả pháp giới giống như một mạng lưới, ta đung vào một điểm nào đó, tất cả đều biết, thứ gì không biết? Là những thứ bản thân có vấn đề, nơi có chướng ngại sẽ không biết, chướng ngại đó là gì? Bị tê liệt, khi hết chướng ngại sẽ biết được ngay.

Chư Phật Bồ Tát, gọi là Bồ Tát pháp thân, không có chướng ngại, họ biết hết. Phật Bồ Tát trong pháp giới Tứ thánh, như A La Hán, Phật Bích Chi, những vị đó biết một phần, chứ chưa biết tất cả. Khởi tâm động niệm của chúng ta, Thanh Văn, Duyên Giác cõi Ta bà biết. Thanh Văn, Duyên Giác cõi khác không biết, nhưng Bồ Tát Pháp thân biết, Bồ Tát Pháp thân không có chướng ngại.

Chu biến pháp giới, nên ghi nhớ, một khi chu biến lập tức gây ra ảnh hưởng, va chạm, xuất sanh vô tận. Không cứ thiện niệm hay ác niệm đều chu biến pháp giới. Bởi thế đừng gây ra niệm ác: tôi ghét người này, tôi ghét con vật kia, tôi ghét con rắn vì nó làm chết người. Những ý niệm như thế sẽ chu biến pháp giới, ý niệm đó xuất sinh vô tận. Khi ta không để ý, sẽ làm một cách tùy tiện, khi đã biết, mới hiểu ra sẽ gây ảnh hưởng rất nghiêm trọng.

Khi mang thai, người mẹ khởi tâm động niệm, làm sao thai nhi không biết được? Làm gì có chuyện đó! Thiện niệm của ta, tất cả những gì ta nghĩ về người khác đều là thiện, trong cảnh giới thiện niệm, sẽ nuôi lớn họ. Nếu lúc nào cũng giận dữ, ác niệm, tâm hành của họ cũng trở thành ác.

Bởi thế người xưa biết cách dạy con từ trong bụng, mỗi niệm đưa trẻ đều cảm nhận được, ảnh hưởng đến nó, nó sẽ thay đổi theo ý niệm. Mỗi niệm đều là thiện niệm, mười tháng mang thai đều là thiện niệm, bà mẹ nghĩ điều thiện, bà mẹ làm việc thiện, làm sao đứa trẻ không thiện được? Thánh nhân!

Thánh nhân nhờ dạy mà có. Phật Bồ tát cũng nhờ dạy mà có, nhân duyên sâu nặng giữa bà mẹ và con cá. Bà làm sao nuôi đứa trẻ đó thành Thánh nhân, thành Phật Bồ Tát, công đức của bà sẽ vô lượng. Nhờ công đức đó, bà sẽ vãng sinh, tại sao? Bà đã sản sinh ra một vị Thánh cho thế giới, vị Thánh đó ban bố ân đức cho thế gian. Trong công đức của họ, bà có một phần, có mấy người hiểu được điều này? Không ai hiểu được việc này, người xưa biết được, phát triển ở Trung Quốc mấy nghìn năm nay.

Bây giờ mọi người vừa học khoa học đã đánh một dấu hỏi lớn, hoài nghi về việc đó, lạnh nhạt với nó. Từ điểm này chúng ta có thể lí giải, những gì cổ thánh tiên hiền

để lại là tuyệt vời, khoa học không thể giải thích. Khoa học chỉ có thể giải thích hiện tượng vật lí, họ không thể giải quyết hiện tượng tâm lí. Tâm lí, vật lí trong Phật pháp đều có. Vật lí là sắc pháp, thọ tướng hành thức là tâm pháp, thọ tướng hành thức từ đâu mà có? Kiến văn giác tri vốn có trong tự tánh. Bởi thế kiến văn giác tri là tánh đức, vốn có trong tự tánh. Khi mê nó trở thành thọ tướng hành thức, giác ngộ, thọ tướng hành thức được khôi phục thành kiến văn giác tri. Bởi thế hiện tượng tinh thần của chúng ta ngày nay là méo mó, biến tướng của kiến văn giác tri. Điều này cho thấy tất cả pháp trong vũ trụ thực sự là nhất thể.

“Nếu có thể nhất niệm nhập vào cảnh giới Phật, ánh sáng, trí tuệ vô lượng, trùm khắp cõi nước”. Chu ở đây là chu biến pháp giới, tất cả cõi nước chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Trần, hình dung rất nhiều, nhiều đến mức nào? Giống như cát bụi, không thể tính đếm, phổ chu trần sát.

“Tam đồ lục đạo đồng thời giải thoát”, bản thân ta đã giải thoát, những cảnh giới ta nhìn thấy đều giải thoát. Khi ta đã thành Phật, tất cả vạn vật, núi sông quả đất trong mắt đều thành Phật hết, tất cả chúng sinh đều thành Phật hết, tại sao? Chúng ta thấy được tự tánh của nó, tự tánh vốn là Phật.

Quý vị thấy tướng của nó, tướng đó là lục đạo, tam đồ, thập pháp giới, là tướng. Nhìn trên mặt tánh, mỗi mỗi đều là Phật, Phật này mê ở chỗ này, Phật kia mê ở chỗ kia, chưa giác ngộ. Chưa giác ngộ không thể nói đó không phải Phật, tự tánh của nó không mê, những gì mê? A lại da thức, a lại da là giả, không phải thật. Khi đã mê, tự tánh cho ra sản phẩm phụ, những thứ đó không phải thật. Không phải thật, ta có thể buông bỏ, có thể cắt đứt nó. Thật thì không thể đoạn được, không đoạn được tự tánh, không đoạn được kiến văn giác tri, nó là chân.

Không thể đoạn được trí tuệ, bây giờ đang mê, trí tuệ biến thành phiền não. Bởi thế trong kinh thường nói phiền não tức Bồ đề, Bồ đề là trí tuệ. Khi giác ngộ phiền não biến thành trí tuệ, khi mê trí tuệ trở thành phiền não. Nó là một, không phải hai thứ khác nhau, chỉ chuyển đổi mà thôi. Không đoạn được phiền não, đoạn phiền não thì trí tuệ cũng mất, chuyển đổi gọi là đoạn, không phải đoạn thật, phiền não biến thành trí tuệ.

Bởi thế, tam đồ lục đạo đều biến thành pháp giới nhất chân, khôi phục lại, khôi phục bình thường, giác ngộ là khôi phục. Khi mê lầm, pháp giới nhất chân biến thành lục đạo tam đồ.

“Không những A Nan được oai Phật gia bị, thấy được thân Phật, và các y chánh”. A Nan là A La Hán, Di Lặc là Bồ Tát Đẳng Giác. Chư Phật, Bồ Tát, A La Hán, đều được oai thần Phật A Di Đà gia trì. Thấy được thân Phật, thấy được Phật A Di Đà, thấy được thế giới Cực lạc, y chánh là thế giới Cực lạc.

“*Tức những chúng sinh mạng pháp này*”, nói đến chúng ta bây giờ, hiện tại chúng ta đang ở trong thời kỳ mạng pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, như thế nào? “*Nếu vào được pháp môn này*”, đây là lời của Bành Tế Thanh. Nếu ta đi vào pháp môn này, pháp môn này là gì? Pháp môn Tịnh độ, pháp môn trì danh niệm Phật. Bộ kinh này kêu gọi ta phát tâm Bồ đề, nhất hướng chuyên niệm, đó là pháp môn này.

“*Không rời niệm này, nhanh chóng thấy Phật*”, nếu thực sự buông bỏ mọi duyên, nhất tâm chuyên niệm, ta cũng có thể thấy được cảnh giới này, đây không phải là những lời viên vông.

Cuối cùng dẫn Kinh Hoa Nghiêm để chứng minh, cho thấy những lời này là thực, không phải viên vông, tại sao? Cùng một đạo lí. Khi Thế Tôn thuyết pháp, có thể cảm động Phật A Di Đà, cảnh giới đó hiện ra để chúng ta thấy.

Thời đại chúng ta ngày nay, đã có ai thấy Phật chưa? Có, thấy Phật lớn chừng nào? Thật vậy, giống vua núi Tu Di, giống núi Hoàng Kim. Có người đã thấy, tướng hảo thân Phật hiện lớn như hư không, nhìn thấy thấy, cả một góc trời. Điều lạ là quý vị thấy rất rõ ràng, không lơ mơ. Bởi thế đây là chuyện có thực, không phải giả. “*Không rời đương niệm, nhanh chóng thấy Phật*”.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Chư Phật như tấm kính lớn, thân ta như ngọc ma ni. Pháp thân chư Phật nhập thân ta, thân ta thường nhập vào thân Phật*”. Đây là gì? Ta và Phật trở thành một thân thể. “*Phật như tấm gương lớn*”, đây là thí dụ. “*Thân ta như ngọc ma ni*”, viên ngọc soi vào gương, trong gương có ngọc. Châu là châu báu, nó có thể phát sáng, trong viên ngọc có hình tấm gương, trong tấm gương có hình viên ngọc, vì thế pháp thân chư Phật trong thân ta, nhất thể. Thân ta cũng thường nhập thân chư Phật, giống như nằm trong thân thể Phật. Những lời trong Kinh Hoa Nghiêm là có thật, không phải tưởng tượng, là chân tướng sự thực.

“*Biết Phật và chúng sinh, vốn không hai, gọi là thấy Phật, thật ra không thấy, tại sao vậy? Không thể nhìn thấy nhau khi trong cùng một thân thể*”. Đây là thật, không một chút giả dối, “*không thể trong cùng một thân mà nhìn thấy nhau*”. Nhưng nó vẫn có hiện tượng chiếu soi lẫn nhau che chở lẫn nhau, đây là điều không thể nghĩ bàn. Thân như thế, nước cũng không ngoại lệ.

Thế giới Cực lạc cũng giống tấm gương lớn, thế giới Ta bà như viên ngọc ma ni. Trong tấm gương có hình ngọc ma ni, trong viên ngọc ma ni cũng có hình tấm gương, ánh sáng soi chiếu lẫn nhau, đúng là nhất thể.

Như chúng ta soi gương vậy, tấm gương lớn, hình chúng ta trong đó, đây là ví dụ, còn sự thực? Sự thực là một, tất cả các pháp đều nằm trong đại viên cảnh. Đại viên cảnh là gì? Đại viên cảnh là tự tánh, chuyển A lại da thành đại viên cảnh trí. A lại da

chuyển thức thành trí, chuyển thành đại viên cảnh, chỉ điều gì? Là cảnh giới này, bạn mới thực sự hiểu được y chánh trang nghiêm cõi hư không khắp pháp giới toàn do tự tánh biến hiện.

Tự tánh là đại viên cảnh, tự tánh là Thường tịch quang, đây là chân ngã, không phải giả. Bốn tịnh đức thường lạc ngã tịnh, không cần Phật nói, ta tự chứng được, đi vào cảnh giới đó rồi. Khi đi vào cảnh giới đó, hãy nghĩ còn thiên tai nào nữa chẳng? Thiên tai không phải thật, địa ngục, thiên đường đều là huyễn hoá, có chuyện đó chẳng? Có, như đang xem kịch vậy, giống như xem film, xem truyền hình, không có gì thật, “*phàm có hình tướng, tất cả đều hư vọng*”, “*tất cả pháp hữu vi*”. Pháp hữu vi có sinh có diệt, Thật báo độ không sinh không diệt, Thật báo độ không thay đổi.

Nếu có sinh diệt, khi kiến tánh, Thật báo độ có mặt. Khi chứng Diệu Giác, Thật báo độ không còn. Bởi thế Thật báo độ cũng không phải thật, quả thật là “*phàm có hình tướng tất cả đều hư vọng*”, điều sau cùng là thật.

Trong trăm pháp, chân như vô vi cuối cùng trong sáu loại pháp vô vi. Chân như vô vi là Thường tịch quang tịnh độ, nó vĩnh hằng bất biến. Trong Thường tịch quang không có một thứ gì nhưng không thiếu thứ gì, hay là hay ở chỗ đó. Vấn đề này, khoa học và triết học không bao giờ với tay đến, tại sao? Bởi họ sử dụng a lại da thức, dùng thức thứ sáu.

Thức thứ sáu là vọng tâm, vọng tâm chỉ duyên được vọng cảnh, cảnh giới hư vọng, không thể duyên đến chân, làm sao duyên đến chân? Phật dạy: “*Chỉ có chứng được mới biết*”, nếu muốn chứng được, phải dùng phương pháp nào? Buông bỏ khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước sẽ chứng ngay, quý vị thấy đơn giản chẳng. Chúng ta đang trong lục đạo, không cách vượt thoát từ vô lượng kiếp đến nay, chính bị thứ này phá hại. Khởi tâm động niệm, phân biệt chấp trước, bây giờ vẫn đang làm, càng làm càng thấy phân khởi, đây là rắc rối lớn.

Phật pháp rất phù hợp tinh thần khoa học, ta có thể thực nghiệm, nó có thể chịu được va đập. Thực nghiệm sẽ hiểu được, chúng ta thử buông bỏ xem, buông bỏ phiền não kiến tư, để xem có phải cảnh giới A La Hán chẳng? Không còn lục đạo, lục đạo là do phiền não kiến tư biến hiện. Khi đã buông bỏ, không khác gì vừa tỉnh giấc mộng, không thấy lục đạo nữa, cảnh giới khi tỉnh mộng là gì? Cảnh giới A La Hán, ở đây là pháp giới Tứ thánh: A La Hán Phật Bích Chi, Bồ Tát, Phật, pháp giới Tứ thánh bên trên thập pháp giới, bạn thấy được, không còn lục đạo nữa.

Bởi thế đại sư Vĩnh Gia nói rất hay: Trong mộng rõ ràng có lục đạo, tỉnh dậy thoáng đặng không đại thiên. Khi tỉnh rồi, lục đạo không còn nữa, đây là một cơn ác mộng. Pháp giới Tứ thánh cũng trong mộng, lục đạo là mộng trong mộng. Phải không khởi tâm, không động niệm, mới thực sự tỉnh mộng, tại sao? Không còn thập pháp

giới nữa, A La Hán, Phật Bích Chi, Bồ Tát, Phật, không còn. Những thứ có mặt lúc này là Thật báo trang nghiêm độ của chư Phật Như Lai, gọi là pháp giới nhất chân.

Người đời mong muốn vĩnh hằng, chạy theo bất sinh bất diệt. Trong pháp giới nhất chân, những thứ ta thấy được là vĩnh hằng, bất sinh bất diệt. Bởi thế Tịnh tông gọi nó là vô lượng thọ, phải chăng có thật vô lượng thọ? Vô lượng của hữu lượng.

Trong kinh Phật cho chúng ta biết, sống bao lâu? Ba đại a tăng kì kiếp, có thể nói, ở nơi đó, phải sống đến ba đại a tăng kì kiếp, nguyên nhân? Tuy đoạn được vô minh vô thị nhưng tập khí vô minh vô thị vẫn chưa đoạn. Bởi thế pháp giới nhất chân này là tập khí vô minh vô thị biến hiện ra. Khi đoạn hết tập khí, thế giới này sẽ không còn, Thường tịch quang có mặt. Ta quay về Thường tịch quang, quay về tự tánh, đây mới thực sự bất sinh bất diệt.

Thường tịch quang không phải chết, mà sống. Ba thứ hiện tượng của Thường tịch quang đều bất khả đắc, nó không phải hiện tượng vật chất, cũng không phải hiện tượng tinh thần, cũng không phải hiện tượng tự nhiên, Thường tịch quang ở đâu? Có khắp mọi nơi, mọi nơi mọi lúc đều nằm trong Thường tịch quang. Thường tịch quang là bản thể, bản thể của tất cả vạn vật trong vũ trụ, không có nó, không có thứ gì cả.

Bởi thế chúng ta, để tiện lợi cho mọi người có khái niệm, tôi thường lấy thí dụ màn hình truyền hình. Thường tịch quang là màn hình truyền hình, bản thân nó không có gì. Y chánh trang nghiêm thập pháp giới là những hình ảnh trên màn hình đó, khi bật kênh, sẽ thấy hình, hình có cản trở màn hình chăng? Không, màn hình không cản trở tướng thập pháp giới, hiện tượng của thập pháp giới cũng không làm ô nhiễm, không ngăn cản màn hình. Nếu không có màn hình nó sẽ không có hình ảnh, nó là bản thể của tất cả những hình ảnh, dùng thí dụ như thế mọi người dễ hiểu hơn.

Kiến tánh không trước tướng, không nên chấp trước, đây là Bồ tát. Ngày nay chúng ta không có khả năng đó, sai lầm chính là đây, thấy tướng liền đắm vào tướng, coi đó là chân, sinh phiền não nơi đó, không trước tướng thì sao? Không trước tướng sẽ sinh trí tuệ, không sinh phiền não.

Nên biết Kinh Kim Cang có câu nói về vấn đề này, chúng ta nên sử dụng để quán tướng, chỉ câu này là đủ: “*Phàm có hình tướng, tất cả đều hư vọng*”. Tất cả mọi tướng, ngay chư Phật Như Lai, có hình tướng cũng hư vọng, cũng không thể chấp trước, không thể phân biệt, đều không thể khởi tâm, động niệm. Lúc đó ta sẽ trở thành Bồ Tát Pháp thân ứng hoá đến thế gian, tại sao? Chúng ta đã thành Phật. Thành Phật ở thế gian này có nghĩa là thị hiện, ứng thân, làm gì ở thế gian? Giáo hoá chúng sinh, giúp đỡ chúng sinh giác ngộ, giúp đỡ chúng sinh quay về tự tánh. Nghĩa là thừa nguyện tái sanh, không cần thay đổi thân thể.

Thân nghiệp báo chúng ta trở thành gì? Trở thành thân nguyện lực, Bồ Tát thừa nguyện tái sanh. Thân nghiệp báo có giới hạn, có đau khổ, thân nguyện không có. Nếu thân nguyện hiện tướng đau khổ, đây chỉ là thị hiện, đây không phải thật.

Cư sĩ Duy Ma ốm bệnh, là thị hiện, không phải bệnh tật thực sự, dùng cách đó để giáo hoá chúng sinh. Nghe tin ngài bệnh, rất nhiều người đến thăm, trên thực tế, khi thăm bệnh, ngài thuyết pháp cho họ. Phẩm kinh này, chúng ta học đến đây.

Xem tiếp phần dưới: “*Từ Thị Thuật Kiến thứ 39*”. Phần trước Niệm Lão đã giới thiệu đại ý phẩm này cho chúng ta.

“*Tông chỉ của phẩm này vẫn là chứng tín trừ nghi*”. Nửa sau bộ Kinh Vô Lượng Thọ, Bồ Tát Di Lặc đương cơ. “*Từ thị*” là Bồ Tát Di Lặc. “*Bồ Tát Di Lặc thuật lại những gì mình thấy được chứng được, lời của Phật là chân thật*”. Di ở đây là thêm, tăng, chứng minh lời của Phật là chân thật. “*Nghĩa là khung cảnh y chánh trang nghiêm thế giới Cực Lạc, chính từ kim khẩu nói ra*”. Ở đây gọi việc Phật nói là Kim khẩu nói ra.

Phật là thân màu vàng, vậy Phật Thích Ca Mâu Ni có thực giống vàng hay chẳng? Không phải, không phải vậy tại sao lại gọi thân màu vàng? Trong vật chất thì vàng là kim loại có màu sắc đặc biệt, nó không thay đổi, ngày nay gọi là oxy hoá. Quý vị thấy bạc, đồng, sắt, thiếc đều bị oxy hoá, chỉ vàng là không, vậy vàng tượng trưng cho thứ gì? Tính không thay đổi, vĩnh hằng bất biến, lấy ý đó. Thân tướng Phật vĩnh hằng bất biến, những lời Phật dạy là chân, không phải giả. Kim khẩu sở tuyên, nhất định phải hiểu vấn đề đó, ý nghĩa tượng trưng.

Bởi thế thế chúng ta trở thành thói quen, cũng đắp vàng lên tượng Phật, Bồ Tát. Khi nhìn những pho tượng chúng ta hiểu được, màu vàng là vĩnh hằng bất biến, lấy ý nghĩa như thế. Bất cứ nó có màu như thế nào, đều gọi là thân màu vàng, không gọi là màu vàng.

Phần trước đều là Thế Tôn giới thiệu, Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu cho tất cả mọi người về y báo chánh báo thế giới Cực lạc. Nói rất chi tiết, mọi người nghe quen tai, nhưng chưa thấy được. Bây giờ, những thánh chúng dự hội tận mắt nhìn thấy chư Phật Như Lai trong mười phương khen ngợi Phật A Di Đà. Mọi người tận tai nghe được, họ đã tận mắt nhìn thấy, tận tai nghe được, vì thế tin tưởng, không còn hoài nghi.

Chúng ta xem Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sinh Truyện, thấy ghi chép rất nhiều, chúng ta tin đó không phải giả, đây không đánh lừa mọi người. Khi gần mắt thấy Phật A Di Đà đến tiếp dẫn, người gần mắt đó nói với những người xung quanh, Phật A Di Đà đến rồi, đến đón tôi rồi. Đôi lúc nói ra những cảnh tượng, hai bên có

Quan Âm, Thế Chí, còn rất nhiều La Hán, thiên nhân, kể ra những cảnh tượng này, có. Lúc đó họ vẫn chưa mất, rất minh mẫn, những lời đó, chính là lời của Bồ Tát Đại Thế Chí, thấy Phật trước mặt. Khi đến thế giới Cực Lạc, tương lai sẽ thấy Phật.

Bởi thế Viên Thông Chương nói: “*niệm Phật nhớ Phật, ngay giờ này, tương lai, chắc chắn thấy Phật*”. Sinh đến thế giới Cực Lạc là tương lai, khi gần mất là giờ này. Họ vẫn chưa ngưng thở, vẫn ở nhân gian, nhưng đã thấy, nói với bà con, đó thực sự đã vãng sinh, chúng ta không thể hoài nghi.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Vãng Sinh Truyện, có đại sư Huệ Viễn, khi đại sư Huệ Viễn vãng sinh, nói với mọi người, Phật đến tiếp dẫn, thấy được thế giới Cực Lạc, chỉ ngài thấy được, những người khác không thấy.

Không giống nơi này, nơi này được hai Thế Tôn hai quốc độ gia trì, Phật A Di Đà và Phật Thích Ca Mâu Ni gia trì, khiến ta tận mắt thấy được, tự thân mọi người cùng thấy, cơ hội đó rất khó! Trong Truyện Vãng Sinh chúng ta thấy, chỉ họ thấy được, người khác không thấy. Bởi thế những người xung quanh Huệ Viễn thỉnh giáo ngài: Thế giới Cực Lạc mà thầy thấy đó hình dáng ra làm sao? Đại sư Huệ Viễn trả lời, y hệt những gì trong kinh đã giảng, cho thấy những lời Phật Thích Ca Mâu Ni không sai.

Khi ngài Huệ Viễn còn tại thế, kinh điển Tịnh tông chỉ có bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Tôi cho rằng, rất có khả năng ngài dùng bản của An Thế Cao, nhưng tiếc là bản của An Thế Cao đã thất truyền. Kinh Vô Lượng Thọ, tại Trung Quốc đã có mười hai lần phiên dịch, nghĩa là có mười hai bản dịch không giống nhau. Bây giờ chỉ còn năm bản, năm bản có trong Đại tạng kinh, bảy bản có mục lục nhưng không tìm thấy sách, đã thất truyền.

Dịch phẩm của An Thế Cao là dịch ý, giống đại sư La Thập, rất thích hợp ý của người Trung Quốc, tôi rất thích đọc những bản kinh do ngài phiên dịch. Đại sư Huyền Trang dịch rất nhiều, trực dịch, khi đọc chúng ta cảm thấy trúc trắc. Bởi vì, văn pháp Trung Quốc khác văn pháp Ấn Độ, ngài cứ dịch theo nguyên văn. La Thập và An Thế Cao lại khác, lấy ý, nên gọi là dịch ý, không phải trực dịch, rất được người Trung Quốc yêu thích.

Bởi thế đã chứng minh cho chúng ta thấy, chúng ta rất xúc động khi đọc Truyện Vãng Sinh. Quý vị thấy tướng lành khi người tu hành lâm chung, gồm cả chúng ta, đưa tiễn người vãng sinh trong đời này, tận mắt thấy tướng tốt đó. Một số người thấy người vãng sinh, đi lúc đang đứng, đi trong lúc ngồi, tôi chưa thấy, nhưng những chuyện đó không phải bịa đặt, biết trước giờ chết.

Khi tôi ở Singapore, hội trưởng của Lâm Cư Sĩ ở Singapore, hội trưởng cử Cư Sĩ Lâm Trần Quang Biệt. Trước đây ba tháng, một bên tờ báo, ông thấy viết mừng bảy tháng tám, mừng bảy tháng tám, viết mười mấy lần mừng bảy tháng tám. Không ai biết chuyện gì, mà cũng không ai dám thắc mắc. Đúng ngày mừng bảy tháng tám ông mất, cách ngày ông viết đúng ba tháng, biết trước thời gian ba tháng, dự tri thời chí. Rất nhẹ nhàng khi đi, lúc bảy giờ tôi đang ở Singapore. Trước ông mất một ngày, nhờ tôi qui y, hôm sau ông đi, tôi qui y cho ông. Rất minh mẫn, rõ ràng, không mê hoặc, không ngờ hôm sau ông đi.

Ở đây có mẹ cư sĩ Hồ Ni Ni, bà là người được độ trung âm, bất khả tư nghị! Tôi có mặt ở đó khi chuyện xảy ra, tận mắt nhìn thấy. Một người đã áp vong vào bà, khiến khi bà đã qua đời, tình hình trong mỗi tuần đều cho chúng tôi biết, bà dần dần hiểu được. Ban đầu là hiểu kì, mọi người săn sóc rất chu đáo, cuối cùng mới hiểu, muốn nghe kinh, hai mươi bốn giờ không được gián đoạn. Mở Vô Lượng Thọ Kinh cho bà nghe, mở Địa Tạng Kinh, nghe kinh. Nghe hai tuần kinh, không hở ngày đêm, hai tuần, hai tuần rất yên ắng, không có chuyện gì. Sau hai tuần, người áp vong bảo muốn nghe kinh, mới biết bà chuyên chú, cùng niệm Phật.

Khi gần đi, lại đến nói với mọi người, bà được hạ phẩm trung sinh, không phải chuyện dễ! Khi sống không tiếp xúc Phật giáo, mãi đến sau khi trút hơi thở mới bỏ tấc những sai sót. Chỉ có bốn mươi chín ngày, bốn mươi chín ngày rồi ra đi, cho mọi người biết hạ phẩm trung sinh, khiến rất nhiều người tin tưởng, không hoài nghi pháp môn niệm Phật.

Phần tiếp theo nói: *“Lại thấy những người thai sinh ở thế giới Cực Lạc, bị kẹt trong nghi thành, càng thấy rõ lỗi nghi hoặc”*. Bởi thế kinh văn phần sau đã đưa ra câu hỏi. Chúng ta thường nói biên địa không thể nhập phẩm, hạ phẩm hạ sinh mới nhập phẩm, nhập phẩm mới được sự gia trì của oai thần bốn nguyện Phật A di Đà, đều thành Bồ Tát bất thoái chuyển, nghi thành không còn.

Thôi, bài sau chúng ta tiếp tục học.

Hết tập 549